

Bản án số: 26/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 8 - 2020

V/v: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THIỆU HÓA, TỈNH THANH HOÁ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đạt –Thẩm phán.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Ngọc Hưng;

2. Ông Lê Dũng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phùng Thị Tố Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thiệu Hóa tham gia phiên tòa:
Không.

Ngày 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 55/2020/TLST - HNGĐ ngày 21/4/2020 về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2020/QĐXXST - HNGĐ ngày 02/7/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2020/QĐST-HNGĐ ngày 22/7/2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn TH 2, xã TC (Nay là xã TC1), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Chị T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Đức H, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Thôn TH 2, xã TC (Nay là xã TC1), huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

Anh H vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 20/4/2020, bản tự khai ngày 03/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

Giữa nguyên đơn và bị đơn là anh Lê Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TC1, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa vào ngày 01/12/2011. Quá trình chung sống vợ chồng H thuận hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh H hay chơi bài bạc, không tu chí làm ăn mặc dù đã được hai bên gia đình khuyên bảo nhiều lần, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở cùng thôn sinh sống, trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm liên lạc gì với nhau. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn mục đích hôn

nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Đức H.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã thông báo triệu tập hợp lệ anh Lê Đức H nhiều lần đến Tòa án làm việc nhưng anh H không đến nên không có bản khai, không có ý kiến của anh H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy;

[1]. Về tố tụng: Anh Lê Đức H đã được thông báo hợp lệ đến phiên H giải nhưng anh H không đến để tham gia phiên H giải, chị T đề nghị Tòa án không tiến hành H giải vụ án, đây là trường hợp không tiến hành H giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lê Đức H đã được thông báo và triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, chị Lê Thị T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt do đó căn cứ vào điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt chị T và anh H.

[2]. Về hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Đức H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và không vi phạm các điều cấm của luật hôn nhân gia đình như vậy là hôn nhân hợp pháp. Thấy rằng quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh H chơi bời không tu chí làm ăn như ý kiến chị T khai; Chị T bỏ về bên ngoài sinh sống, mặc dù Tòa án đã thông báo tiến hành phiên H giải và 02 lần mở phiên tòa nhưng anh H đều vắng mặt, điều đó chứng tỏ anh H cũng không thiết tha, níu kéo hôn nhân; Điều này chứng tỏ cuộc sống vợ chồng đã thực sự trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 điều 56 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho chị T được ly hôn anh H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Vợ chồng không có con chung nên miễn xét

[4]. Về tài sản và công nợ: Các đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Trong vụ án này, Hội đồng xét xử không biết được nội dung yêu cầu của anh H đối với phần tài sản giữa anh H và chị T nếu có tài sản sẽ tự bàn bạc thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được sẽ giải quyết bằng vụ án khác khi các bên có đơn khởi kiện.

[5]. Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 6, Điều 9; điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Đức H.

2. Về án phí: Chị T phải chịu tiền án phí sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số AA/2017/0005696 ngày 21/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thiệu Hóa, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp bản án, được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Chị T, anh H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Hoàng Văn Đạt

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Dũng Tấn

Lê Ngọc Hưng

Hoàng Văn Đạt

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thiệu Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự (để thi hành);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Văn Đạt